CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102909348, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN, L=Quận Hoàn Kiếm, S=HÀ NỘI, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-04-16 15:43:44
Foxit Reader Version: 9.3.0

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Báo cáo tài chính
Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	3/31/2025 VND	1/1/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**19,480,790,444**	**19,386,693,035**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**		**14,380,638,374**	**14,223,104,694**
111	1. Tiền		5,899,643,673	2,139,042,135
112	2. Các khoản tương đương tiền		8,480,994,701	12,084,062,559
128	**II Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**5,000,000,000**	**5,000,000,000**
	Đầu tư tài chính ngắn hạn		5,000,000,000	5,000,000,000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**100,152,070**	**163,588,341**
132	1 Trả trước cho người bán			
134	2 Phải thu hoạt động nghiệp vụ		74,835,413	68,536,583
135	3 Phải thu ngắn hạn khác		25,316,657	95,051,758
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		-	
158	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**7,404,911,529**	**7,404,911,529**
				-
220	**II. Tài sản cố định**		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	3	-	-
222	- *Nguyên giá*		666,141,407	**666,141,407**
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		(666,141,407)	**(666,141,407)**
				-
250	**III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**6,454,911,529**	**6,454,911,529**
252	1 Đầu tư dài hạn khác(công ty liên kết)		6,250,000,000	**6,250,000,000**
259	2 đầu tư góp vốn vào đơn vị khac		500,000,000	**500,000,000**
	3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(295,088,471)	**(295,088,471)**
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**950,000,000**	**950,000,000**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5	-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		950,000,000	**950,000,000**
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**26,885,701,973**	**26,791,604,564**

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	3/31/2025 VND	1/1/2025 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**25,220,000**	**25,140,000**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**25,220,000**	**25,140,000**
312	2. Phải trả người bán			
314	2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1,050,000	
315	3 Phải trả người lao động			
316	4 Chi phí phải trả	7	18,900,000	18,900,000
319	5 Các khoản phải trả, phải nộp khác		5,270,000	6,240,000
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**9**	**26,860,481,973**	**26,766,464,564**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45,000,000,000	45,000,000,000
420	2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18,139,518,027)	(18,233,535,436)
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**26,885,701,973**	**26,791,604,564**
			-	-
	CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
030	**Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**		**1,738,054,988**	**3,010,678,762**
031	*Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác-trong nước*		1,735,935,703	3,008,502,822
032	*Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác-Nước ngoài*		2,119,285	2,175,940
040	**Danh mục nhà đầu tư ủy thác**		**27,648,512,029**	**14,316,159,980**
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước		27,538,172,029	14,217,519,980
042	Nhà đầu tư ủy thác Nước ngoài		110,340,000	98,640,000
051	**Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**			**6,632,328**

Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 16 tháng 04 năm 2025

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 1/2025	Quý 1-2024
		VND	VND
01	**1. Doanh thu**	217,852,708	190,838,387
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**	**217,852,708**	**190,838,387**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**		
20	**5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**	**217,852,708**	**190,838,387**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	163,466,591	9,586,480
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(287,301,890)	(255,997,198)
30	**9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh do**	**94,017,409**	**(55,572,331)**
32	10. **Chi phí khác**		
40	**12. Lợi nhuận khác**	-	-
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**94,017,409**	**(55,572,331)**
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	
60	**16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**94,017,409**	**(55,572,331)**
70	**17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**		

Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 16 tháng 04 năm 2025

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	3/31/2025	3/31/2024
				VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		143,017,295	191,088,137.00
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ			
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(254,030,776)	(227,986,055)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40,352,544,274	38,140,850,468
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(40,247,463,704)	(38,219,175,620)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		**(5,932,911)**	**(115,223,070)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		0	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư ,góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		163,466,591	9,586,480
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**163,466,591**	**9,586,480**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		0	
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***			
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**157,533,680**	**(105,636,590)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		14,223,104,694	10,538,848,125
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**14,380,638,374**	**10,433,211,535**
			0	-

Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 16 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

31 tháng 03 Năm 2025

Năm 2025	Thuyết minh	1/1/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	3/31/2025
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45,000,000,000	-	-	45,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18,233,535,436)	94,017,409	-	(18,139,518,027)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9	**26,766,464,564**	**94,017,409**	**-**	**26,860,481,973**

Năm 2024	Thuyết minh	1/1/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	3/31/2024
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45,000,000,000		-	45,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18,019,323,045)	(55,572,331)		(18,074,895,376)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9	**26,980,676,955**	**(55,572,331)**	**-**	**26,925,104,624**

Hoàng Hải Đăng
Người lập

Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội,ngày 16 tháng 4 năm 2025

Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý I/2025

I Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quản lí Quỹ

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3 số 40 Phan Bội Châu, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 45.000.000.000 VND (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 4.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 16 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 14 người).

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GP ngày 05 tháng 09 năm 2008 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh số:07/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
  Tư vấn và đầu tư chứng khoán.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị quản lý	03-05 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (03) tháng đã bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (03) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các năm tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá trị thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác vào tổ chức kinh tế: căn cứ vào Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư đó tại thời điểm gần nhất với thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

a, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b, Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho năm tài chính

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	3/31/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	5,899,643,673	99,698,673
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	446,992,031	2,039,343,462
Các khoản tương đương tiền	8,034,002,670	12,084,062,559
	14,380,638,374	**14,223,104,694**

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tiền gửi có kì hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội.

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, giá trị 5.000.000.000 VND, được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam với lãi suất 4.4%/năm.

2 . PHAI THU NGẮN HẠN

	3/31/2025	1/1/2025
	VND	VND
phải thu ngắn hạn khác	100,152,070	68,536,583
	100,152,070	**68,536,583**

3 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	**VND**
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**399,684,844**	**266,456,563**	**666,141,407**
Số tăng trong năm		-	
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**399,684,844**	**266,456,563**	**666,141,407**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	3/31/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	-	
- **Đầu tư vào công ty liên kết**		
- Đầu tư cổ phiếu(Cty CP Maimoney)	6,250,000,000	6,250,000,000
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác(Quỹ Đầu tư phát	-	-
- triển Việt Tín)	500,000,000	500,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	**(295,088,471)**	**(295,088,471)**
	6,454,911,529	**6,454,911,529**

5 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	3/31/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm xe	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	950,000,000	950,000,000
Bà Hoàng Ngân Hà- Chủ tịch Hội đồng quản trị		
	950,000,000	**950,000,000**

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	3/31/2025	1/1/2025
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	1,050,000	-
	1,050,000	**-**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	3/31/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	18,900,000	18,900,000
	18,900,000	**18,900,000**

8 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	3/31/2025	1/1/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn		390,000
Bảo hiểm xã hội	5,270,000	4,972,500
Bảo hiểm y tế		877,500
Phải trả phải nộp khác		
Phải trả người lao động	-	
Phải trả khách hàng ủy thác cá nhân [(1)]		
	5,270,000	**6,240,000**

9 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45,000,000,000	45,000,000,000
- *Vốn góp đầu năm*	*45,000,000,000*	*45,000,000,000*
- *Vốn góp cuối năm*	*45,000,000,000*	*45,000,000,000*

b) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,500,000	4,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,500,000	4,500,000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*4,500,000*	*4,500,000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,500,000	4,500,000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*4,500,000*	*4,500,000*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

10 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2025	Quý 1/2024
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	185,144,517	
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	32,708,191	
	217,852,708	**190,838,387**

11 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2025	Quý 1-2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên		
Chi phí khác bằng tiền		
	(287,301,890)	**(255,997,198)**

12 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1/2025	Quý 1-2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94,017,409	(55,572,331)
Tổng lợi nhuận tính thuế	94,017,409	(55,572,331)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

13 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 1/2025	Quý 1-2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	94,017,409	(55,572,331)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	94,017,409	(55,572,331)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4,500,000	4,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 16 tháng 04 năm 2025